

## VIỆT NAM CỔ VĂN HỌC SỬ TRONG TIẾN TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA VĂN HỌC NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

Hà Ngọc Hòa

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế

Email: hangochoa@gmail.com

### TÓM TẮT

Đầu thế kỉ XX, văn học Việt Nam đã tiếp thu, học tập và chịu ảnh hưởng của văn học phương Tây, nhất là văn học Pháp để xây dựng một nền văn học mới tiên tiến, hiện đại. Nhiều thể loại mới được hình thành, nhiều phương pháp nghiên cứu phê bình mới được áp dụng, trong đó có nghiên cứu phê bình văn học sử, điển hình là “Việt Nam cổ văn học sử” của Nguyễn Đồng Chi.

Bài viết tập trung nghiên cứu, khảo sát tác phẩm “Việt Nam cổ văn học sử” trên hai bình diện: cách phân kì văn học và thể loại văn học, nhằm chứng minh mỗi thời kì đều gắn liền với một thể loại văn học tiêu biểu, điển hình.

**Từ khóa:** Nguyễn Đồng Chi, hiện đại hóa, văn học, Việt Nam.

1. Sự đụng chạm, cọ xát giữa phương Đông và phương Tây cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX đã tạo điều kiện cho văn học Việt Nam “nhuận sắc” lại và chuyển mình theo hướng hiện đại hóa. Để xây dựng một nền văn học mới tiên tiến, hiện đại và mang tính phổ cập, buộc các tầng lớp trí thức, cho dầu cựu học hay tân học đều phải học tập, vay mượn những thành tựu nghiên cứu của văn học phương Tây mà chủ yếu là văn học Pháp. Nhờ tích cực học tập, vay mượn, nên chỉ trong một thời gian ngắn, “lũ tí hon đi hia bảy dặm” (Vũ Ngọc Phan) đã đem lại một diện mạo mới cho văn học Việt Nam buổi giao thời. Nhiều thể loại mới ra đời, nhiều phương pháp nghiên cứu mới được áp dụng, đáng kể là phương pháp nghiên cứu văn học sử, mà các tác phẩm *Thi văn bình chú* (1941), *Việt Nam văn học* (1942) của Ngô Tất Tố, *Việt Nam cổ văn học sử* (1942) của Nguyễn Đồng Chi, *Việt Nam văn học sử yếu* (1943) của Dương Quảng Hàm... là những minh chứng. Cho đến hôm nay, hai phần ba thế kỉ đã qua đi, nhưng những công trình nghiên cứu trên vẫn được các nhà học thuật cả nước tin dùng, khảo cứu, đã cho thấy thành công lớn lao và sức sống lâu bền của phương pháp nghiên cứu văn học sử buổi đầu. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ tiếp cận, nghiên cứu những đóng góp cho quá trình hiện đại hóa văn học của tác phẩm *Việt Nam cổ văn học sử* trên hai phương diện: cách phân chia văn học và thể loại văn học.

2. Công trình *Việt Nam cổ văn học sử* được tác giả chia làm mười một chương, giới hạn từ thượng cổ đến cuối đời nhà Hồ, đầu thế kỉ XV, cụ thể: Chương 1: Gốc gác người Việt Nam; Chương 2: Cội rễ tiếng Nam; Chương 3: Chữ viết đời thượng cổ; Chương 4: Tư tưởng học thuật

nước Tàu buổi quá khứ; Chương 5: Triết lý tôn giáo Ân Độ buổi quá khứ; Chương 6: Từ đời cổ đến Sĩ Nhiếp; Chương 7: Từ Sĩ Nhiếp đến Ngô Quyền (187- 939); Chương 8: Ngô, Đinh, Lê (939- 1009); Chương 9: Lý (1010- 1225); Chương 10: Trần (1225- 1380); Chương 11: Hồ (cầm quyền 1380- 1399, làm vua 1400- 1407). Khảo sát những tiểu mục, thể loại trong từng chương cho thấy, bên cạnh việc “*tuân thủ*” cách phân chia văn học theo các triều đại vốn đã quen thuộc trong quá khứ như *Việt âm thi tập* của Phan Phu Tiên, *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương, *Tinh tuyển chư gia luật thi* của Dương Đức Nhan”, *Toàn Việt thi lục* của Lê Quý Đôn... hay *Nghiên cứu văn học Việt Nam* (Etude sur la littérature Annamite) của Georges Cordier năm 1933, tác giả đã bắt đầu áp dụng các phương pháp nghiên cứu mới như phương pháp nghiên cứu thể loại, phương pháp phê bình khách quan, đặc biệt là phương pháp lịch sử và phương pháp so sánh thực chứng của Gustave Lanson (1857- 1934), khiến cho *Việt Nam cổ văn học sử* mang những sắc màu mới và trở thành một trong những công trình nghiên cứu văn học sử sớm nhất ở Việt Nam. Thoát ra khỏi lối phê bình văn chương bằng trực giác, cảm tính, bằng thị hiếu cá nhân của văn học trung đại, tác giả đã thấy lịch sử văn học là một dòng chảy liên tục từ quá khứ đến hiện tại; và sự phát triển của văn học luôn chịu sự qui định của lịch sử- xã hội dẫn đến sự hình thành những thể loại, những dấu ấn tâm hồn nhà văn khác nhau.

Cách phân chia khá rõ ràng và giản dị này còn được các học giả cùng thời và sau này áp dụng như *Việt Nam văn học* của Ngô Tất Tố, *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử trích yếu* của Nghiêm Toàn, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* của Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam thi văn giảng luận* của Hà Như Chi... Nhưng khác với các công trình vừa nêu, trong cách phân chia, Nguyễn Đồng Chi đã chọn triều đại nhà Hồ làm điểm kết cho công trình nghiên cứu của mình. Theo ông “*Quyển sách này chỉ giới hạn đến cuối nhà Hồ*” và “*Từ nhà Hồ trở về trước và từ nhà Lê trở về sau, hai đoạn ấy cơ hồ không dính líu gì với nhau*”. [1, tr.21] Cách nhìn nhận “*hai đoạn ấy cơ hồ không dính líu gì với nhau*”, có lẽ không được chính xác, nhưng chọn nhà Hồ để phân chia văn học đã thể hiện tư duy khoa học, cách làm mới văn học sử nước nhà bằng những nhận định khách quan, mà những công trình nghiên cứu văn học sử cùng thời và sau này ít đề cập. Ông cho rằng Hồ Quý Ly là “*tay cách mạng trong văn học giới*” khi mà “*Văn học phát đạt đời Trần vừa đến ngày tàn thì bước qua đời Hồ lại thấy hưng thịnh có thể bồi bổ vào những chỗ thiếu thốn của đời trước mà trong đó lại nảy ra nhiều cái đặc sắc, dấu mấy thế kỉ sau cũng không thấy hơn được*” [1, tr.370]. Chúng ta đều biết, triều đại nhà Hồ chỉ tồn tại vồn vẹn 7 năm (1400 - 1407) qua 2 đời vua, nhưng trong 7 năm ngắn ngủi ấy, nhà Hồ lại đi những bước rất xa, góp phần thay đổi đất nước trên tất cả các mặt kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục - những thay đổi mà các vương triều “*dằng dặc*” trong quá khứ như nhà Lý (1010 - 1225), nhà Trần (1225 - 1400) có khi chưa hình dung được. Để khẳng định “*hiện tượng*” nhà Hồ, tác giả dành hẳn một chương với nhiều nhận định, trích dẫn thuyết phục “*Xem Quý Ly đương buổi Tây lịch 1411, khi ấy các nước Âu Châu chưa đến trình độ bán khai mà nước ta đã có Quý Ly bày đặt các việc, trước đã khêu đèn văn minh, phỏng Bá Kỳ chẳng đưa quân Minh về trở ngạnh để cho Quý Ly hết sức kinh lý giang sơn, trùng tân nhật nguyệt, nước ta hẳn kéo cờ văn minh, thủ xuất trước các nước ở bên Đông Á*” (Lê Thúc Thông, *Nam Sử*

liệt truyện khảo cứu) [1, tr.373], “Lúc bấy giờ Hồ Quý Ly lại thực hành chủ nghĩa Hoa Việt. Nho học thì biết cái tư tưởng tự giác, tự tín của người Việt Nam bấy giờ đã đạt tới cao độ vậy. Tội và họ Hồ thế nào đã có nhà lịch sử, ta bàn học vấn ta không nên vì người mà bỏ mất cái tư tưởng hay” (Nguyễn Trọng Thuật, *Điều đình cái án quốc học*) [1, tr.371]. Thoát ra khỏi cái nhìn phiến diện, một chiều vốn tồn tại từ lâu trong lịch sử, Nguyễn Đồng Chi cho rằng Hồ Quý Ly rất ghét hạng nhà nho hay nô lệ, sùng bái người xưa, đặc biệt là thói sính “*viện cổ chứng kim*” (Nguyễn Đồng Chi) để chứng tỏ “*bụng chứa một bồ kinh luân*”. Năm 1402, Hồ Quý Ly đã phê vào bức thư của Nguyễn Cảnh Chân - An phủ sứ lộ Thăng Hoa khi mong muốn điều hành theo lệ cũ của nhà Hán “*Biết chữ được bao lăm mà cũng hay nói việc nhà Hán, Đường, ấy cho nên gọi là “người câm hay nói” chỉ để mua cười thôi*” [1, tr.388]. Có lẽ, Hồ Quý Ly là trường hợp duy nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam viết “*Minh đạo*” thẳng thắn công kích, phê phán Khổng học, phê phán những sai lầm của Khổng Tử trong *Luận ngữ*. *Minh đạo* của ông đã đẩy lên cuộc bút chiến đương thời giữa các nhà nho và hình thành nên “*chủ nghĩa hoài nghi*” (Nguyễn Đồng Chi) cho hậu thế “*Những điều mà họ Hồ ngờ về sách Luận ngữ phải hay là quá mặc lòng, song cái ngờ vẫn là cái quý trọng đạo học vấn. Ở Á Đông mấy nghìn năm trù Mặc Tử là ngoại đạo ra, mới có họ Hồ dám ngờ Khổng tử mà nói đã trước Nhật Bản lâu rồi*” (Nguyễn Trọng Thuật, *Điều đình cái án quốc học*) [1, tr.386]. Hơn thế, Nguyễn Đồng Chi còn đề cao nhà Hồ trong việc canh tân, điều hành đất nước theo một mô hình mới “*Chủ nghĩa quốc gia xã hội là một công trình vĩ đại ở đầu đời Hồ*” và “*cuối thế kỉ XIV và đầu thế kỉ XV, toàn nước Việt Nam đã thực hành được chủ nghĩa quốc gia xã hội theo lối tổ chức kinh tế và thực dân của cha con nhà độc tài Hồ Quý Ly. Đến khi nhà Hồ mất, chủ nghĩa ấy không được ai chú ý nữa*” [1, tr.376]. Việc đề cao, đánh giá triều đại nhà Hồ của nhà nghiên cứu Nguyễn Đồng Chi đã trở thành “*điểm nhấn*” cho công trình *Việt Nam cổ văn học sử*. Thoát ra khỏi lối mòn nhận định của tư duy, công trình đem lại một cách tiếp cận mới cho công chúng, mà nói như nhà nghiên cứu Thanh Lăng “*Nguyễn Đồng Chi là người đầu tiên muốn lấy triều đại nhà Hồ như một chặng đường cực thịnh của nền văn học cổ Việt Nam*”. [3, tr. 386].

3. Bên cạnh việc lấy triều đại nhà Hồ để nghiên cứu, phân chia hai giai đoạn văn học, *Việt Nam cổ văn học sử* còn là nơi để tác giả gửi gắm tâm nguyện “*chủ ý nhất là góp lượm những tài liệu tan tác ở mọi nơi không kể chữ Tàu hay chữ ta, hay hay dở, đều trưng bày cho độc giả, tức là lớp người sinh sau được nghe thấy phảng phất một ít tiếng vang, cái bóng của người lớp trước vậy thôi*” [1, tr.21]. Tuy chỉ mong muốn cho đám hậu lai nghe thấy “*phảng phất một ít tiếng vang*” của cha ông thuở trước như các bậc thức giả đã từng trần trụi “*nghe được những gì về thơ đều ghi lại tất cả, dù đó là những bài thơ hay của người Nam ở trong nước hay ở Bắc mà có quan hệ đến nước nhà, hoặc những câu bình dị của các bậc hiền ngu, đem gộp lại một số gọi là Việt âm thi tập... vì sợ sau này để rơi rụng đi những hạt châu trong biển xanh mờ mịt*” (Phan Phu Tiên) [2, tr.324], nhưng sự đa dạng, phong phú về tư liệu, đã khẳng định công lao to lớn của người viết trong suốt cuộc đời cần mẫn “*góp nhặt cát đá*” cho nền học thuật nước nhà.

Công việc “góp lượm” thơ văn không kể “hay hay dở” theo phương pháp mới của nhà nghiên cứu Nguyễn Đông Chi, đã đem lại cho công trình một cái nhìn mới, một cách tiếp cận mới về nghiên cứu văn học theo thể loại. Khác với những quan niệm nghiên cứu văn học theo khuynh hướng tư tưởng (Dương Quảng Hàm áp dụng) hay nghiên cứu trên nền tảng văn tự (G. Cordier áp dụng), quan niệm nghiên cứu văn học theo thể loại luôn cho rằng lịch sử văn học là lịch sử hình thành và phát triển của các thể loại. Theo M. Bakhtin, chính thể loại chứ không phải cái gì khác làm nhân vật chính cho tấn kịch của lịch sử văn học “*Mỗi một thể loại, nhất là thể loại lớn, thể hiện một thái độ thẩm mỹ đối với hiện thực, một cách cảm thụ, nhìn nhận, giải minh thế giới và con người. Thể loại là cái trí nhớ siêu cá nhân của nghệ thuật, nơi tích lũy, đúc kết những kinh nghiệm nhận thức thẩm mỹ thế giới. Mỗi thời đại lịch sử có hệ thống thể loại của mình, trong đó những thể loại chính thể hiện tập trung nhất, nổi bật nhất tâm thức, tầm nhìn, những mối quan tâm, những quan niệm và chuẩn mực giá trị của con người trong thời đại đó*” [4, tr.7]. Tuy còn bẻ bộn, cái bẻ bộn buổi đầu áp dụng phương pháp nghiên cứu phê bình phương Tây, nhưng công trình đã chứng minh được, các thể loại luôn định hình, phát triển và gắn liền với những thời kì lịch sử nhất định. Có thể công chúng ngày hôm nay không còn xa lạ với phương pháp nghiên cứu văn học theo thể loại, có thể do chịu ảnh hưởng quan niệm “*văn-triết- sử bất phân*” của văn học trung đại, nên cách phân chia, sắp xếp, cách gọi tên các thể loại văn học trong từng chương còn lăm chông chéo, nhưng đặt trong bối cảnh hiện đại hóa nền văn học nước nhà những thập niên ba mươi, bốn mươi của thế kỉ trước, khi mọi vấn đề buộc phải diễn ra một cách gấp gáp “*một năm có thể hiểu như ba mươi năm của người*” (Vũ Ngọc Phan), thì *Việt Nam cổ văn học sử* là công trình đáng được trân trọng.

Trên cơ sở, văn học gắn liền với lịch sử phát triển của dân tộc, theo tác giả, thể vận văn, chuyện đời xưa (văn học dân gian- HNH) là những thể loại “*khởi mào*” (Nguyễn Đông Chi) cho nền văn học nước nhà, đã được hình thành trong khoảng từ đời cổ đến Sĩ Nhiếp. Đến thời Ngô, Đinh, Lê (939- 1009), thì bên cạnh vận văn đã bắt đầu xuất hiện văn học viết với nhiều thể loại: thơ ca, tản văn, sấm kí... Tuy còn non trẻ, nhưng “*thơ ca đã uyển chuyển và thanh nhã*” (Nguyễn Đông Chi) mà nói như Phạm Quỳnh “*Những câu thơ Hán Việt hồi đầu đó, tưởng cũng không phải là lối văn chương non nớt gì*” (*Vấn đề cổ học Hán Việt*) [1, tr.100]. Từ thế kỉ X trở về sau, trải qua các triều đại Lý, Trần, Hồ, các thể loại văn học (bao gồm văn học dân gian và văn học viết) không ngừng nảy sinh, phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập, thưởng thức của công chúng ngày càng nhiều như thơ (chữ Hán, chữ Nôm), tạp văn, tản văn, văn tiểu thuyết (tự sự- HNH), văn ngoại giao, kí, hát chèo, hát tuồng... Dựa trên nguồn tư liệu phong phú, và bằng kiến thức uyên thâm về Hán học, Tây học, tác giả cho rằng cảm quan triết học Thiền tông chi phối dung mạo cuộc sống, văn học đời Lý bằng nhiều thể loại khác nhau như thơ Thiền, văn bia, chiếu, hịch... “*thấm nhuần trong mọi sự sinh hoạt, thành ra cái thú màu nhiệm cao thượng*” [1, tr.125], “*giọng thơ có vẻ siêu nhiên, thoát tục... chứa đầy những triết lý cao thượng*” [1, tr.129]. Sờ dĩ cuộc sống đượm mùi Thiền như vậy, bởi “*Thiền tông không phải là bài duy tâm luận một cách tuyệt đối (absolute idéalisme) cũng không phải là bài hư vô luận một cách tuyệt đối (absolute nihilisme)*” (Saunders) [1, tr.123,124], “*Thực ra thì Thiền tông là một bài thực tại*

luyện (pentheistic renlism) về chủ nghĩa “vạn hữu nhất thể”. Xem đó đủ biết phái Thiên tông chủ trương cái thuyết “vạn hữu nhất thể” của Đại thừa và dùng nó làm cơ sở để phát dương cái nghĩa “Phật tính phổ biến” ra. Nhân đó đem cái quan niệm tôn giáo mà thẩm nhuận” [1, tr.124]. Dĩ nhiên, không ai có thể chối cãi, dưới thời nhà Lý, Phật giáo chiếm ưu thế trong thượng tầng kiến trúc phong kiến, thì ảnh hưởng sâu đậm Phật giáo trong đời sống dân tộc cũng không có gì làm lạ. Có điều, cách lập luận, diễn giải của Nguyễn Đông Chi vẫn thuyết phục hơn nhận định của Ngô Tất Tố trong *Việt Nam văn học*: “Cái đó không có chi lạ. Học thuật thường phải dựa theo phương hướng của chính trị. Chính trị ngành về đường nào, học thuật cũng phải đi theo đường ấy” [5, tr.17]. Đi xa hơn các nhà nghiên cứu cùng thời, tác giả nhìn nhận tuy Phật giáo chiếm ưu thế, nhưng sự tác động, tương hợp của ba hệ tư tưởng Nho- Phật- Lão “Tam giáo đồng nguyên”, mới là mấu chốt làm nên bản sắc văn hóa dân tộc từ thế kỉ X đến thế kỉ XV “Nhờ cái tư tưởng tam giáo đồng nguyên khởi xướng tự các nhà triết học Tàu xưa đã ảnh hưởng... tôn chỉ của ba đạo đều thích hợp với tư tưởng, tâm lý của người Việt Nam”. [1, tr.123]. Trong mỗi cuộc đời, trong mỗi thể loại văn học thời Lý- Trần ít nhiều đều thể hiện sự dung hợp tam giáo, âu cũng là điều dễ hiểu.

Cảm quan Phật giáo Thiên tông, theo tác giả vẫn chi phối sâu sắc đến đời sống văn học, chính trị nhà Trần buổi đầu bằng những gương mặt đường nét như Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Đồng Kiên Cương, Lý Đạo Tái... khiến “*tinh thần cao thượng của đạo từ bi được gieo rắc hầu khắp mọi người*” [1, tr.177]. Nhưng cũng chính dưới thời nhà Trần, cục diện chính trị dần thay đổi. Sự lớn mạnh của Nho giáo, ý thức tự hào về nền văn hiến dân tộc, về hào khí Đông A, khiến văn học dần thoát ra khỏi cánh cổng chùa để học tập, vay mượn, giao lưu và hội nhập với văn học của các nước trong khu vực. Những thay đổi lớn lao ấy, khiến văn học đời Trần phát triển rực rỡ. Không phải ngẫu nhiên, mà tác giả dành một lượng lớn số trang (215/440 trang) của công trình để khẳng định thành tựu văn học giai đoạn này qua những thể loại mới với những tác phẩm, tác giả tiêu biểu “*Nhà Trần lập lên tô điểm cho giang sơn này bởi những thời kỳ chiến công oanh liệt, bởi lối chính trị dịu dàng, bởi nhiều nhân tài đặc sắc và nhất là bởi văn học tốt đẹp hơn cả đoạn sử cổ văn học này. Bao nhiêu sách vở đại biểu cho triết lý, sử học, luật học, binh học, thi phú, ngoại giao, tiểu thuyết.v.v... đều lần lượt trình bày. Đáng kể hơn hết là nguồn thơ Việt Nam đã có người dẫn mạch*” [1, tr.156, 157]. Âm hưởng ngợi ca về lòng tự hào dân tộc, về tình yêu quê hương, công cuộc kiến thiết, xây dựng đất nước, trở thành âm hưởng chủ đạo của văn học giai đoạn này. Vì thế, bên cạnh những thể loại có từ thời nhà Lý, theo tác giả giai đoạn này đã nảy sinh nhiều thể loại mới, hòa thanh vào dàn đồng ca vĩ đại ấy như văn xuôi tự sự, thơ văn quốc âm, văn giao thiệp với ngoại quốc... Nhưng thể loại tạo nên dung mạo cho văn học đời Trần vẫn là thơ “*Đời Trần chỉ có món thơ là phát đạt hơn cả. Hai phần ba các sách trước tác đều là thi tập. Ngoại giả mỗi nhà có ít bài lưu truyền thì nhiều lắm không thể kể xiết. Giọng thơ hầu hết đều thanh nhã, nghiêm vẻ nhàn tản, mền cảnh vật thiên nhiên*” [1, tr. 292 - 293]. Căn cứ vào thời đại, vào cuộc đời hành- tàng của các thi nhân, tác giả đã dựng lên được chân dung văn học đời Trần “*vẫn trị dân đầy, vẫn giúp nước đầy, vẫn phò vua đầy, nhưng mà gặp khi đắc sủng không bị làm về cái quyền cao chức trọng của mình... thời mình vẫn là mình,*

*bấy giờ có thể lộ ra lời thơ ca, không phải chỉ bởi cái tài khéo ngâm vịnh, chính là bởi cái nhân cách thanh cao của mình”* (Abel Bonnard) [1, tr.295] thông qua những loại thơ khác nhau: nhân tản, cao siêu, cảm khái, hùng tráng, khôi hài và trào phúng, sử trình, thù phụng. Những phân tích chi tiết, tỉ mỉ của tác giả cho thấy, chính sự thay đổi ý thức hệ, sự lựa chọn Nho giáo trong đời sống, đã tạo nên những cảm xúc, những cung bậc khác nhau trong tâm hồn người trí thức. Chính đường đời muôn nẻo này làm cho thơ đời Trần gần gũi với cuộc sống trần tục hơn thơ đời Lý và “*khơi nguồn*” cho thơ ca những giai đoạn kế tiếp đi sâu vào khai thác cuộc sống thường nhật, khai thác số phận con người. Điều đặc biệt, tác giả đã đưa vào văn học giai đoạn này bộ phận thơ văn của những người Việt “*lưu vong*” ở nước ngoài như Trần Ích Tắc, Trần Mai Kiện... bằng những nhận định khách quan “*Bọn họ là những người đầu hàng với quân Nguyên trong trận đánh năm 1284 gồm có các tôn thất và quan lại... Những thơ văn trong thi tập ngâm khảo của họ hầu hết là những lời thù phụng, đập gót giày vào người bán quốc để tôn trọng người nước mình hàng*” [1, tr.343] là một việc làm mới, một cách nhìn nhận tiến bộ, mà những công trình nghiên cứu văn học sử xưa nay, kể cả các giáo trình thường không mấy mặn mà, tâm đắc.

Như chúng tôi đề cập, triều đại nhà Hồ tuy ngắn ngủi, nhưng những đóng góp cho đất nước trên nhiều lĩnh vực là điều khó có thể phủ nhận. Văn học có thêm nhiều loại mới như văn phê bình, văn học dịch, đặc biệt là văn chương quốc âm. Dựa trên những tư liệu của các nhà nghiên cứu trong văn học trung đại, tác giả khẳng định “*Trước Nguyễn Huệ, Hồ Quý Ly đã từng dùng văn quốc âm để làm sắc chiếu để biểu ban ra trong dân. Đó là tản văn nước nhà buổi đầu tiên. Về thơ Nôm thì đã điêu luyện nhiều và làm được lắm lối... Các thi nhân năng dùng quốc âm thay cho thơ chữ Hán*” [1, tr. 420]. Việc phổ biến, sử dụng chữ “*quốc ngữ*” của triều đại nhà Hồ, kích thích văn học chữ Nôm phát triển và đạt được nhiều thành tựu về mặt nghệ thuật ở thế kỉ XV. Rõ ràng, những tính toán chuẩn bị cho bước đi “*Một ngày dài hơn thế kỉ*” của nhà Hồ đã tạo điều kiện thuận lợi cho văn học phát triển về sau “*Xuống đến đời Hồ ta lại thấy mới nhóm thêm một tinh thần khoa học và một chủ nghĩa hoài nghi, ích lợi cho văn học không phải ít*” [1, tr. 439].

Tóm lại, bằng cách phân chia văn học, bằng phương pháp nghiên cứu văn học theo thể loại, loại hình, kiểu nhà văn... tác phẩm *Việt Nam cổ văn học sử* đem lại cho nền văn học nước nhà nửa đầu thế kỉ XX những thành tựu mới về nghiên cứu, phê bình văn học sử. Cùng với *Việt Nam văn học*, *Việt Nam văn học sử yếu*, *Việt Nam văn học sử trích yếu*, công trình đã góp phần đưa văn học Việt Nam tiến nhanh trên con đường hiện đại hóa và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Đông Chi (1993). *Việt Nam cổ văn học sử*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2]. Vũ Khiêu (chủ biên) (2004). *Danh nhân Hà Nội*, NXB Hà Nội, 2004.
- [3]. Thanh Lãng (1973). Phê bình văn học Việt Nam thế hệ 1932 (tập 2), *Tạp chí phong trào văn hóa XB*, Sài Gòn.
- [4]. M. Bakhtin (1992). *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
- [5]. Ngô Tất Tố (2010). *Việt Nam văn học*, NXB Văn học, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.

## “VIỆT NAM CỔ VĂN HỌC SỬ” IN THE PROCESS OF LITERARY MODERNIZATION IN THE FIRST HALF OF 20<sup>th</sup> CENTURY

**Ha Ngoc Hoa**

*Department of Literature and Linguistics, Hue University College of Sciences*

*Email: hangochoa@gmail.com*

### ABSTRACT

*In the beginning of the 20<sup>th</sup> century, Vietnam literature has been acquired, learnt and affected by the Western literature, particularly the French literature to build a new, advanced and modern literature. A variety of new genre has been formed, new research methods of criticism have been applied, of which there is the critical research of literary history, typically “Việt nam cổ văn học sử” by Nguyễn Đông Chi.*

*This article focusing on researching conducting the survey of this work “Việt nam cổ văn học sử” on two aspects : literary division and its genre to prove that each part is associated with a specific literature genre .*

**Keywords:** *Literature, Modernization, Nguyen Dong Chi, Vietnam.*

